

ECONOMIC RELATIONS ON THE INLAND BORDER SIDE BETWEEN ETHNIC MINORITIES IN THE BORDER AREAS OF VIETNAM - CHINA

Bui Thi Bich Lan

Institute of Anthropology

Email: buibichlan@gmail.com

Received: 27/9/2024; Reviewed: 15/10/2024; Revised: 17/10/2024; Accepted: 28/10/2024; Released: 20/11/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/nctd/368>

The history shows that the relationship between ethnic minorities in our country has had its ups and downs, however it is harmony, unity and working together to build and defend the Fatherland remains the main theme. In the current Vietnam-China border area, the trend of association, dependence, and mutual assistance in economic relations further tightens the great solidarity bloc among ethnic minorities in the inland border area. These relationships are becoming an important, necessary and inevitable source of social capital for ethnic groups in border areas. However, this research has shown that, in the process of transition to the current market economy, new relationships are emerging between ethnic groups, negatively affecting local social order, border security and defense as well as the tradition of solidarity, mutual assistance and sharing.

Keywords: *Economic relations; Ethnic minorities; Border area; Vietnam - China.*

1. Đặt vấn đề

Chính sách dân tộc ở nước ta đã thể hiện rõ quan điểm của Đảng trong việc giải quyết mối quan hệ giữa các dân tộc thiểu số (DTTS); trong đó, thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc là đường lối nhất quán, hướng tới đảm bảo sự công bằng xã hội giữa các tộc người và phát huy sức mạnh của quốc gia - dân tộc. Đại hội XIII của Đảng ta vừa qua tiếp tục khẳng định quan điểm xây dựng quan hệ dân tộc (QHDT) ở nước ta trong giai đoạn từ năm 2021-2030 và tầm nhìn đến 2045 là “*Bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển. Huy động, phân bổ, sử dụng, quản lý hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển, tạo chuyển biến căn bản về kinh tế, văn hóa, xã hội ở vùng có đông đồng bào DTTS...*” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). Quan điểm này đã thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, từng bước phát huy nội lực và lợi thế ở mỗi tộc người, mỗi vùng miền trên cả nước, rút ngắn khoảng cách chênh lệch phát triển; qua đó, góp phần củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và giữ vững an ninh, chủ quyền quốc gia.

Tuy vậy, do nhiều nguyên nhân khác nhau, những vấn đề phức tạp về quan hệ dân tộc ở nước ta, trong đó có quan hệ giữa các DTTS ở trong nước, vẫn đang nảy sinh và để lại những hệ lụy khó kiểm soát. Nếu những vấn đề này nếu không được xử lý, giải quyết một cách thỏa đáng, kịp thời thì sẽ

có thể khiến cho QHDT trở nên phức tạp và nhạy cảm hơn, ảnh hưởng đến sự phát triển KT-XH, giữ vững chính trị, bảo đảm quốc phòng an ninh của quốc gia nói chung, của các vùng miền và các tộc người nói riêng. Bối cảnh đó đặt ra yêu cầu cần tiếp tục quan tâm, nghiên cứu về vấn đề QHDT, nhằm tạo cơ sở khoa học cho việc xây dựng, hoạch định chính sách trong quản lý các mối QHDT, góp phần ổn định và phát triển đất nước trong tình hình mới.

2. Tổng quan nghiên cứu

Trong một quốc gia đa dân tộc như Việt Nam, QHDT có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận lẫn thực tiễn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Do vậy, những năm gần đây, chủ đề này đang ngày càng nhận được sự quan tâm của các nhà khoa học, trong đó phải kể đến một số nghiên cứu như: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về dân tộc và QHDT ở Tây Nguyên* (Dục, 2005); *Một số vấn đề về quan hệ dân tộc ở Tây Nguyên hiện nay* (Đạo, 2009); *Một số vấn đề cơ bản về KT-XH ở các tỉnh biên giới Việt Nam* (Đính & Thanh, 2014); *Quan hệ tộc người và chiến lược xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong phát triển bền vững Tây Nguyên* (Hoan, 2014); *QHDT xuyên quốc gia ở Việt Nam: Nghiên cứu tại vùng miền núi phía Bắc* (Son & Lan, 2017); *QHDT xuyên quốc gia ở Việt Nam: Nghiên cứu tại vùng Nam Bộ* (Tinh & Mười, 2016)... Trong đó, một số học giả đã đưa ra nội hàm của vấn đề QHDT ở nước ta, cụ thể, tác giả (Tinh, 2014) cho rằng,

QHDT bao gồm 05 mối quan hệ cơ bản là: 1. Quan hệ nội tộc người; 2. Quan hệ giữa các dân tộc thiểu số (DTTS); 3. Quan hệ giữa DTTS với dân tộc Kinh (Việt); 4. QHDT xuyên quốc gia; 5. Quan hệ tộc người với cộng đồng dân tộc - quốc gia. Các mối quan hệ này được biểu hiện ở nhiều lĩnh vực của đời sống tộc người, từ nguồn gốc lịch sử, văn hóa, xã hội đến kinh tế, chính trị. Trong đó, quan hệ giữa DTTS với dân tộc Kinh đã thu hút được khá nhiều sự quan tâm của các nhà khoa học. Cũng có không ít công trình nghiên cứu đề cập đến quan hệ giữa các DTTS ở trong nước, tuy nhiên, đa phần trong số đó tập trung vào quan hệ xã hội và quan hệ văn hóa. Trong quan hệ kinh tế, các nghiên cứu đề cập, trước thời kỳ đổi mới, mối quan hệ về kinh tế giữa các DTTS đã hình thành, tuy nhiên, hình thức chủ yếu chỉ là trao đổi, mua bán các nông sản dư thừa, các nguồn lợi tự nhiên thu hái được hay sản phẩm thủ công gia đình,... Bước sang cơ chế thị trường, sản xuất nông lâm nghiệp của nhiều tộc người dân phát triển theo hướng hàng hóa; hoạt động giao thương, buôn bán, dịch vụ, làm thuê... được tăng cường (nhất là ở những nơi có kinh tế biên mậu sôi động), đòi hỏi sự liên kết, lệ thuộc lẫn nhau giữa các DTTS trong tổ chức sản xuất, mua bán sản phẩm, xây dựng và mở rộng thị trường, tìm kiếm việc làm,... (Đình & Thanh, 2014); (Mười, 2020); (Anh & Mùi, 2023). Tuy nhiên, trong các nghiên cứu về sinh kế DTTS vùng biên giới, do các tác giả thường tập trung nhiều vào quan hệ sinh kế xuyên biên giới nên bức tranh về quan hệ kinh tế giữa các DTTS phía nội biên có phần mờ nhạt, chưa được quan tâm thỏa đáng. Đó cũng là lý do để tác giả thực hiện nghiên cứu này.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết này phân tích quan hệ kinh tế giữa các DTTS vùng nội biên qua nghiên cứu trường hợp tại 03 xã/thị trấn biên giới, tiếp giáp với Trung Quốc. Các chuyên khảo sát thực địa được triển khai vào giai đoạn 2022-2023, khi đời sống của người dân ở các địa bàn này đang chịu ảnh hưởng nặng nề bởi những chính sách mới về biên giới và cửa khẩu của quốc gia láng giềng. Ngoài điền dã dân tộc học, gồm các cuộc phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm với người dân và chính quyền địa phương, tác giả còn tham khảo các nguồn tài liệu thứ cấp, các công trình nghiên cứu đã công bố để so sánh, đối chiếu và nhìn nhận vấn đề một cách toàn diện, khách quan và khoa học.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Khái quát về tộc người và địa bàn nghiên cứu

Biên giới Việt - Trung được bắt đầu từ huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Đây không chỉ là một không gian KT-XH khá đa dạng mà còn là một địa bàn

“phên dậu”, có vị trí chiến lược về đối ngoại và an ninh quốc phòng của Tổ quốc.

Xã Bản Lầu (huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai) có diện tích tự nhiên là 5.711ha, với đường biên giới Việt - Trung dài 10,42km. Dân số toàn xã là 7.657 khẩu/1.712 hộ, với 13 dân tộc cùng chung sống trên địa bàn 15 thôn. Ngoài người Kinh, 12 DTTS chiếm 76,87%, trong đó, dân tộc Mông - 32,5%, Giáy - 14%, Nùng - 12%, Dao - 9,5%... Năm 2022, toàn xã có tỷ lệ hộ nghèo - 25,55%, hộ cận nghèo - 24,59% và 02 thôn đặc biệt khó khăn. Đến nay, sau hơn 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, đời sống của người dân ngày càng được cải thiện. Các tuyến đường liên thôn, liên xã được nhựa hóa, bê tông hóa; cơ cấu cây trồng được chuyển dịch mạnh mẽ, từ cây trồng kém hiệu quả sang các loại cây chủ lực (UBND xã Bản Lầu, 2023).

Là một xã biên giới của huyện Bình Liêu (tỉnh Quảng Ninh), năm 2011, xã Hoàn Mô có 1.223 hộ/5.245 khẩu, gồm 05 dân tộc: Tày, Dao, Sán Chỉ, Kinh, Hoa; trong đó, người Tày có 474 hộ/1840 khẩu; người Dao có 352 hộ/1686 khẩu; người Sán Chỉ có 269 hộ/1193 khẩu,... Trên địa bàn xã, có 08/14 thôn giáp biên với 21,1km đường biên giới, giáp huyện Ninh Minh và trấn Động Trung, khu Phòng Thành, Quảng Tây, Trung Quốc. Số hộ nghèo toàn xã là 72, chiếm 5,16% (UBND xã Hoàn Mô, 2022). Cửa khẩu Hoàn Mô đi vào hoạt động từ năm 1991 đã thúc đẩy mạnh mẽ đời sống KT-XH của người dân trên địa bàn này.

Nằm phía đông nam huyện Quảng Hòa (tỉnh Cao Bằng), năm 2021, thị trấn Tà Lùng có 840 hộ/2.829 khẩu với 03 dân tộc chính, gồm: Nùng (526 hộ/1.650 khẩu), Tày (136 hộ/471 khẩu), Kinh (173 hộ/697 khẩu); một số dân tộc khác cũng có mặt trên địa bàn như Mông, Dao, Hoa,... nhưng chiếm số lượng không đáng kể. Thị trấn có 06 tổ dân phố, trong đó 03 tổ dân phố giáp biên là Bó Pu, Phia Khoang, Tân Thịnh. Năm 2022, hộ nghèo toàn thị trấn là 20 hộ (2,38%). Địa hình tương đối bằng phẳng, đất đai màu mỡ, có đường Quốc lộ 3 chạy qua, đặc biệt là sự hình thành cửa khẩu quốc tế Tà Lùng đã tạo cho thị trấn này nhiều lợi thế trong phát triển KT-XH (UBND thị trấn Tà Lùng, 2022).

Nhìn chung, trước năm 2019, đời sống của các tộc người ở 03 địa bàn nghiên cứu trên phụ thuộc nhiều vào kinh tế biên mậu với các hoạt động như làm thuê, xuất khẩu nông lâm sản, thương mại, dịch vụ,... Đại dịch Covid-19 xảy ra, phía Trung Quốc xây dựng hàng rào biên giới với nước ta, đồng thời ban hành những chính sách mới về biên giới, về xuất nhập khẩu vùng biên mậu đã khiến cho hoạt động thông quan hàng hóa từ Việt Nam sang Trung Quốc phải tạm dừng. Bối cảnh mới này đã dẫn đến

những thay đổi mạnh mẽ trong bức tranh KT-XH ở các tộc người nghiên cứu. Hoạt động xuất khẩu nông lâm sản bị ngưng trệ, thương mại và dịch vụ trầm lắng, các lao động di cư mùa vụ phải quay trở lại quê nhà và nhiều người dân địa phương đang phải đối mặt với tình trạng thiếu việc làm, mất nguồn thu nhập chính. Trong bối cảnh đó, đề đảm bảo sinh kế, di cư lao động đến các khu công nghiệp trong nước là một giải pháp đang được nhiều lao động trẻ lựa chọn.

4.2. Thực trạng quan hệ kinh tế giữa các tộc người thiểu số

Chính sách biên cương của Trung Quốc đã tác động mạnh mẽ tới quan hệ tộc người ở nước ta, trong đó có quan hệ kinh tế giữa các DTTS trong nước. Chiến lược “hưng biên phú dân” của quốc gia này đã được triển khai trong 10 năm (1998-2008) trên các phương diện như hoàn thiện cơ sở hạ tầng, xây dựng cơ chế tăng trưởng kinh tế cấp huyện và tăng cường khả năng tự lực tự cường, nâng cao mức sống của người dân,... qua đó, các khu vực biên giới trở thành vùng sản xuất nông - lâm nghiệp hàng hóa (Hoan, 2013). Chính sách này đã tác động trực tiếp đến các địa bàn biên giới nước ta, nhất là những nơi có điều kiện hình thành các khu kinh tế cửa khẩu, các tiểu ngạch, đường mòn, lối mở,... sang Trung Quốc. Tận dụng lợi thế về vị trí địa lý và chính sách “mở cửa” biên giới ở cả hai quốc gia, nhiều địa bàn khu vực biên giới nước ta đã phát triển mạnh mẽ kinh tế biên mậu, chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng cường hoạt động thương mại, dịch vụ, chuyên đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa,... Qua đó, thu hút một bộ phận lớn lao động di cư mùa vụ, hình thành nên những mối quan hệ mới giữa tộc người tại chỗ với bộ phận di cư trên mọi lĩnh vực của đời sống. Đây là cơ sở hình thành nên những mối quan hệ hợp tác đầu tư, kinh doanh, liên kết sản xuất, liên kết thị trường giữa các DTTS tại địa phương và giữa họ với các DTTS di cư trong hoạt động sinh kế. Những mối quan hệ này đang trở thành một nguồn vốn xã hội quan trọng, cần thiết và tất yếu của các DTTS vùng biên trong quá trình chuyển đổi từ kinh tế truyền thống sang cơ chế thị trường.

4.2.1. Quan hệ trong hoạt động nông - lâm nghiệp

Những mối quan hệ trong hoạt động sinh kế như cùng tham gia tổ đổi công, giúp công, cho mượn đất canh tác, cho hoặc vay mượn giống cây trồng vật nuôi, công cụ sản xuất,... giữa các DTTS vùng biên đã được xuất hiện từ lâu. Hiện nay, dưới tác động của nền kinh tế thị trường, những mối quan hệ mới đã hình thành qua việc thuê mướn nhân công lao động, thuê đất sản xuất,... Ở xã Hoàn Mô, người Tày có trình độ phát triển hơn các tộc người còn lại, sống chủ yếu bằng nghề buôn bán, dịch vụ ở

trung tâm xã, trong đó có hoạt động thu gom nông sản của các tộc người khác trên địa bàn. Với người Dao, do địa bàn cư trú thuận lợi cho việc canh tác các loại cây như sò, quế, hồi,... nên tộc người này có diện tích các loại cây hàng hóa lớn nhất trong xã. Đến mùa thu hoạch, thương lái người Sán Chỉ đến thu mua tại các vườn đồi của người Dao rồi bán lại tại cửa rừng cho thương lái hoặc cho các đại lý người Tày ở trung tâm xã. Sau khi thu mua, người Tày phơi khô, đóng bao và tiếp tục bán lại cho các doanh nghiệp người Kinh để xuất sang Trung Quốc. Không chỉ thu mua nông sản, người Tày còn tham gia nhiều loại hình dịch vụ khác, phục vụ cho nhu cầu của người dân quanh vùng. Trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường, mỗi cộng đồng tộc người nơi đây đều trở thành là một “mắt xích” trong quy trình sản xuất nông nghiệp, từ nuôi trồng, chăm sóc, thu hoạch đến tiêu thụ các loại nông lâm sản hàng hóa.

Tương tự, căn cứ vào định hướng và sự hỗ trợ về cơ chế, chính sách của các cấp chính quyền, người dân ở xã Bản Lầu đã phát huy tiềm năng, thế mạnh đất đai và lao động để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông lâm nghiệp, tập trung phát triển sản xuất hàng hóa và nâng cao giá trị sản xuất. Bên cạnh các loại cây trồng chính như lúa, ngô và chè, xã Bản Lầu đã từng là địa phương đi đầu của huyện Mường Khương và của tỉnh Lào Cai trong việc đưa chuối, dứa trở thành cây trồng chủ lực, mở ra cơ hội xóa đói, giảm nghèo và làm thay đổi diện mạo vùng biên. Trong đó, tộc người tiên phong, đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển các loại cây hàng hóa này tại địa phương là người Mông. Sau khi di cư đến xã Bản Lầu để lập nghiệp theo chủ trương di dân của Nhà nước, thời gian đầu, ngoài canh tác nương rẫy, người Mông vẫn sang Trung Quốc làm thuê để có thêm thu nhập. Chính qua đó, họ đã tự tìm tòi, học hỏi được kỹ thuật trồng chuối, dứa của người họ hàng, đồng tộc bên nước bạn và sau đó, mua giống, phân bón, thuốc trừ sâu, trừ cỏ, thuốc kích thích, ... về trồng thử nghiệm. Do phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, các loại cây trồng này đã cho năng suất cao và các vùng đất hoang sơ nhanh chóng được cải tạo, chuyển đổi thành đất sản xuất. Các tộc người Giáy, Nùng, Dao,... trên địa bàn xã cũng như các địa phương lân cận đã được học hỏi, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm sản xuất từ người Mông và đến khoảng những năm 1997-1998, hầu hết người dân ở xã Bản Lầu đã dừng công việc làm thuê bên Trung Quốc để tập trung mở rộng diện tích các loại cây trồng này tại địa phương. Gia đình nào ít ruộng nương thì làm thuê cho các gia đình khác ở cùng thôn, cùng xã có diện tích canh tác lớn.

4.2.2. Quan hệ trong hoạt động thương mại, dịch vụ

Đến đầu những năm 1990, khi mở cửa biên giới

Việt - Trung, kinh tế biên mậu ở khu vực biên giới không chỉ thúc đẩy mạnh mẽ sản xuất nông nghiệp hàng hóa mà còn làm tăng tỷ trọng các ngành thương mại, dịch vụ. Hoạt động buôn bán, trao đổi tại các cửa khẩu dần hình thành và ngày càng trở nên sôi động trước khi Trung Quốc xây dựng hàng rào biên giới. Tại 03 xã/thị trấn biên giới được lựa chọn khảo sát đều có các cửa khẩu và nhiều đường mòn, lối mở; từ đó, tạo ra môi trường đặc biệt thuận lợi trong phát triển sản xuất kinh doanh và các loại hình dịch vụ, thu hút một lực lượng lao động lớn, gồm cả người dân tại chỗ và di cư. Ban đầu chủ yếu là người Kinh nhưng càng về sau thì các DTTS tham gia càng nhiều vào hoạt động này, nhất là bộ phận cư dân có trình độ phát triển cao, cư trú ở khu vực trung tâm như người Tày, Nùng. Các cửa hàng, đại lý, doanh nghiệp, công ty,... mọc lên ở trung tâm xã/thị trấn, len lỏi trong mỗi bản làng, ngõ xóm với các dịch vụ, sản phẩm bán ra ngày càng đa dạng về hình thức và chủng loại.

Xã Bản Lầu trước năm 2019, vào những dịp cận Tết Nguyên đán hoặc khi chuối, dứa vào mùa thu hoạch, số lượng lao động là người DTTS từ các xã, huyện, thậm chí là tỉnh thành khác đến vận chuyển hàng hóa thuê tại các đường mòn, lối mở trên địa bàn xã là khá lớn. Do đó, xuất hiện nhiều loại hình buôn bán, dịch vụ do người địa phương làm chủ, phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của người dân tại chỗ và nhóm di cư lao động theo thời vụ. Tính đến thời điểm năm 2022, xã có 190 cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể với sự đa dạng về ngành nghề, trong đó chủ yếu là đại lý hàng tiêu dùng, vật tư sản xuất, vận tải hàng hóa, xay xát, nấu rượu, sửa chữa xe máy, điện tử điện lạnh, ăn uống, cắt tóc, gội đầu,... Chủ cơ sở sản xuất kinh doanh ngoài người Kinh còn bao gồm các DTTS như Mông, Giáy, Dao,... Tương tự, cửa khẩu chính Hoàng Mô được hình thành đã tạo điều kiện cho các ngành thương mại, dịch vụ trên địa bàn xã phát triển với sự xuất hiện của các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể và sự tham gia ngày tăng của các tộc người thiểu số. Trong số 108 chủ cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể trên địa bàn xã, có 56 người Tày (51,9%); 05 người Sán Chỉ (4,6%), 04 người Dao (3,7%), 01 người Nùng (0,01%); còn lại là người Kinh và một số cơ sở có sự kết hợp giữa người Tày với người Sán Chỉ hoặc người Tày với người Kinh (UBND xã Hoàng Mô, 2022).

Đặc biệt, cửa khẩu Quốc tế Tà Lùng từng là nơi có hoạt động thương mại, dịch vụ sôi động nhất trong số các điểm nghiên cứu. Năm 2021, có hơn 40 doanh nghiệp và 249 cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể đang hoạt động trên địa bàn thị trấn Tà Lùng, dù đang chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19 và những thay đổi trong chính sách nhập khẩu hàng hóa của Trung Quốc. Theo chính quyền xã, số lượng

nhà hàng, khách sạn tại địa phương có thời điểm chỉ đứng sau Thành phố Cao Bằng, thu hút nhiều thành phần tộc người thiểu số di cư từ các địa bàn lân cận tới làm ăn, sinh sống với các công việc chủ yếu là bán hàng, phục vụ nhà hàng, quán ăn, bốc vác tại cửa khẩu,... Thời gian đầu, khi kinh tế cửa khẩu mới được hình thành, chủ các cơ sở sản xuất kinh doanh chủ yếu là người Kinh di cư từ đồng bằng lên. Càng về sau, do trình độ dân trí và tư duy kinh tế từng bước được cải thiện nên số lượng người DTTS tại chỗ tham gia hoạt động thương mại, dịch vụ ngày càng tăng. Thống kê năm 2021 cho thấy, trên địa bàn thị trấn, trong số 249 chủ cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể có 32 người Nùng (12,9%), 46 người Tày (18,5%), còn lại là người Kinh (UBND huyện Quảng Hòa, 2021).

4.2.3. Quan hệ trong hoạt động làm thuê

Trước khi đóng cửa biên giới, ngoài người Kinh, xuất hiện ngày càng nhiều các chủ cơ sở sản xuất kinh doanh là người DTTS như người Tày, Nùng ở thị trấn Tà Lùng; người Mông, Dao, Giáy ở trung tâm xã Bản Lầu; người Tày, Dao ở trung tâm xã Hoàng Mô. Trong số các lao động làm thuê tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, ngoài người đồng tộc còn bao gồm rất nhiều các DTTS tại chỗ và di cư từ các xã, huyện, tỉnh lân cận (người Mường, Hà Nhì, Phù Lá, Bô Y, Hoa, Lô Lô, Sán Chay,...). Trong đó, quan hệ giữa các lao động làm thuê hay giữa người làm thuê với chủ thuê lao động là mối quan hệ phối hợp, liên kết chặt chẽ và phụ thuộc lẫn nhau.

Hoạt động sản xuất nông lâm nghiệp phát triển cũng thu hút một lực lượng lớn các lao động làm thuê tại các địa bàn biên giới. Vào mùa thu hoạch hồi, những hộ người Dao, người Sán Chỉ ở xã Hoàng Mô có diện tích cây trồng lớn thường phải thuê mướn thêm nhiều nhân công mới kịp thời vụ. Không chỉ là người đồng tộc, khác tộc trong xã mà người làm thuê còn đến từ các xã lân cận trên địa bàn huyện Bình Liêu với sự đa dạng về thành phần tộc người như Tày, Dao, Sán Chỉ, Kinh, Hoa,... Ở cửa khẩu Hoàng Mô hay Tà Lùng, khi Trung Quốc chưa siết chặt việc xuất nhập khẩu hàng hóa qua đường tiểu ngạch thì những địa bàn này đều khá sầm uất, trong đó chủ yếu là hoạt động tái xuất hàng đông lạnh sang Trung Quốc sau khi được tạm nhập vào Việt Nam, thu hút số lượng lớn các lao động DTTS tại chỗ và di cư cùng tham gia vào hoạt động bốc vác, vận chuyển hàng hóa.

Tương tự, tại xã Bản Lầu, khi chuối, dứa còn được xuất khẩu qua biên giới, hàng trăm, thậm chí hàng ngàn lao động di cư từ các huyện như Bắc Hà, Si Ma Cai đến làm thuê theo thời vụ, từ trồng, chăm sóc đến thu hoạch, vận chuyển nông sản qua biên giới. Thời gian di cư của các lao động tại địa bàn thường chỉ vài ngày, vài tuần, nhưng nếu nhận

khoán chăm sóc tại nương thì có thể vài tháng, thậm chí quanh năm. Họ được nhà chủ dựng lán tạm, ngay cạnh các đồi chuối, dứa để tiện chăm sóc và ăn nghỉ tại chỗ. Tại các cửa khẩu và đường mòn lối mờ, nhiều lao động làm thuê không chỉ làm việc tại các bãi bốc xếp hàng hóa bên phía Việt Nam mà còn sang phía bên kia biên giới để “xuống hàng” cho các chủ xe người Trung Quốc. Họ luôn đi theo nhóm, trong đó thành viên bao gồm những tộc người khác nhau nhưng họ sẵn sàng bảo vệ, hỗ trợ nhau khi bị lực lượng chức năng bên phía họ phát hiện và truy bắt.

5. Thảo luận

Bên cạnh sự tương trợ, hợp tác tích cực trong quan hệ sinh kế như trên đã trình bày, một bộ phận người dân các DTTS ở vùng biên còn cùng nhau tham gia một số hoạt động làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn như vượt biên trái phép, lôi kéo, tiếp tay trong mua bán và sử dụng chất cấm, vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới,...

Kết quả khảo sát cho thấy, một số đối tượng là người DTTS đã câu kết với nhau cùng “làm luật” với bộ đội biên phòng để được thuận lợi trong việc vận chuyển, buôn bán hàng lậu. Trong số những người tham gia tệ nạn xã hội như vận chuyển hàng lậu, cờ bạc, lô đề ở xã Hoàn Mô hay thị trấn Tà Lùng, có một số người là đảng viên, là người đứng đầu trong các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội cấp thôn bản. Năm 2021, trong vụ án đưa hàng trăm người (trong đó đa phần là các DTTS) xuất nhập cảnh trái phép qua địa phận biên giới xã Bản Lâu như đã nêu ở trên, người cầm đầu đường dây là một đảng viên người Mông và đã từng là cán bộ Hội Phụ nữ huyện Mường Khương. Đáng chú ý hơn, trong số những người bị bắt có một người Mông cư trú trên địa bàn xã đang giữ chức Thôn đội trưởng. Trong thời gian đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, người này được tham gia Tổ tuần tra, kiểm soát phòng, chống dịch cùng lực lượng biên phòng khu vực mốc giới nên nắm rõ cách thức tuần tra, lịch sinh hoạt của các cán bộ, chiến sĩ trong tổ và trở thành “nội gián”, tiếp tay cho người cầm đầu để đưa người xuất nhập cảnh trái phép qua biên giới (Bình, 2021).

Trước khi hàng rào biên giới được hình thành, tình trạng một bộ phận các DTTS tiếp tay cho nhau trong một số hoạt động buôn bán, gian lận thương mại ở vùng biên cũng không hiếm gặp. Các mặt hàng mà người Tày bày bán ở chợ xã Hoàn Mô có không ít hàng lậu (quần áo, vật liệu xây dựng, đồ gia dụng,...) do người Dao, người Sán Chi nhập từ Trung Quốc, vận chuyển qua bờ kè, các đường mòn, lối mờ trên địa bàn. Khi hoạt động thương

mại, dịch vụ ở thị trấn Tà Lùng còn tấp nập, người Mông là một trong số các tộc người di cư đến đây với số lượng lớn. Tuy nhiên, theo chính quyền địa phương, đây cũng là tộc người đầu tiên đưa hàng cấm về địa bàn này. Một bộ phận trong số họ đã mắc nghiện hút từ trước khi di cư đến. Do công việc bốc vác đem lại nguồn thu nhập khá cao, lại đòi hỏi sức khỏe nên họ vẫn tiếp tục sử dụng chất cấm và kết hợp cả vận chuyển, mua bán loại hàng cấm này để kiếm lời, đồng thời lôi kéo các đối tượng là người DTTS tại chỗ và cả các tộc người di cư cùng tham gia, làm phức tạp hơn tình hình tệ nạn xã hội tại địa phương. Khi biên giới đóng cửa, các lao động bốc vác tại cửa khẩu rơi vào tình trạng thất nghiệp, ngoài bộ phận quay trở về quê cũ thì vẫn còn một số ở lại. Những đối tượng này không có việc làm, lại nghiện ngập nên nảy sinh tình trạng ăn cắp vặt hoặc lén lút buôn bán các loại hàng nóng như dao kiếm, băng đĩa đòi truy,... để kiếm lời. Đây chính là một trong những lý do khiến người dân địa phương mất đi thiện cảm với người di cư từ nơi khác đến, nhất là với người Mông.

Rõ ràng, truyền thống tương trợ, gắn kết giữa các DTTS vùng biên là một nguồn vốn xã hội quan trọng, cần thiết và tất yếu của họ trong suốt chiều dài lịch sử cộng cư. Song trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, vì những lợi ích kinh tế, giữa họ cũng đang dần nảy sinh những mối quan hệ không tích cực, ảnh hưởng trực tiếp đến trật tự xã hội địa phương, đến an ninh quốc phòng vùng biên cũng như truyền thống đoàn kết, hòa hợp giữa các DTTS.

6. Kết luận

Ở vùng biên giới Việt - Trung, các tộc người dù đã định cư lâu đời hay mới di cư đến, dù dân số đông hay ít, dù trình độ phát triển KT-XH không đồng đều,... nhưng đều có tinh thần đoàn kết, cùng chung lưng đấu cật, sát cánh bên nhau để giữ nước, dựng nước và tinh thần này đã được củng cố, bồi đắp qua từng giai đoạn phát triển của lịch sử. Trong quan hệ kinh tế, xu thế liên kết, lệ thuộc lẫn nhau trong các hoạt động sản xuất nông nghiệp, thương mại, dịch vụ, làm thuê,... càng làm thắt chặt hơn khối đại đoàn kết giữa các DTTS vùng biên giới. Tuy nhiên, bên cạnh sự hướng chủ đạo là đoàn kết, thống nhất, tương trợ thì trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường, vì thu nhập và lợi ích kinh tế, một bộ phận các DTTS còn phối hợp tham gia các hoạt động phạm pháp, ảnh hưởng đến an ninh trật tự địa bàn cũng như mối quan hệ tốt đẹp giữa các tộc người. Những vấn đề này cần được quan tâm giải quyết nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc cũng như đảm bảo an ninh chính trị vùng biên giới đất liền của Tổ quốc.

Tài liệu tham khảo

- Bình, T. (2021). *Thành viên Tổ tuần tra chống dịch Covid-19 làm “nội gián” đưa 200 người vượt biên trái phép*. <https://nld.com.vn/phap-luat/thanh-vien-to-tuan-tra-chong-dich-covid-19-lam-noi-gian-dua-200-nguoi-vuot-bien-trai-phiep-2021050110500532.htm>.
- Dục, T. M. (2005). *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về dân tộc và quan hệ dân tộc ở Tây Nguyên*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- Đạo, B. V. (2009). *Một số vấn đề về quan hệ dân tộc ở Tây Nguyên hiện nay*. Báo cáo tham luận tại Hội nghị Thông báo Dân tộc học năm 2009. Viện Dân tộc học.
- Đính, B. X & Thanh, N. N. (2014). *Một số vấn đề cơ bản về kinh tế - xã hội ở các tỉnh biên giới Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
- Hoan, P. Q. (2014). *Quan hệ tộc người và chiến lược xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong phát triển bền vững Tây Nguyên*, thuộc Chương trình Khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước “Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên”. Viện Dân tộc học: Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài.
- Mười, V. Đ. (2020). *Tổng quan nghiên cứu về sinh kế các tộc người thiểu số ở vùng biên giới Việt Nam*. Viện Dân tộc học: Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Cơ sở.
- Son, L. H & Lan, T. T. M. (2017). *Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia ở Việt Nam: Nghiên cứu tại vùng miền núi phía Bắc*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
- Tình, V. X & Mười, V. Đ. (2016). *Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia ở Việt Nam: Nghiên cứu tại vùng Nam Bộ*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
- UBND xã Bản Lầu. (2023). *Tình hình phát triển kinh tế - xã hội xã Bản Lầu, huyện Mường Khương*. Báo cáo phục vụ buổi làm việc với Đoàn công tác của Viện Dân tộc học.
- UBND xã Hoàn Mô. (2022). *Báo cáo Dân số và nguồn lao động phân chia theo dân tộc, tính đến 30/6/2022*. Lưu tại Văn phòng UBND xã Hoàn Mô.
- UBND thị trấn Tà Lùng. (2022). *Báo cáo Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 10 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 02 tháng cuối năm 2022*. Lưu tại Văn phòng UBND thị trấn Tà Lùng.
- UBND huyện Quảng Hòa. (2021). *Bảng kê danh sách cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể năm 2021*. Báo cáo phục vụ buổi làm việc với Đoàn công tác của Viện Dân tộc học.

QUAN HỆ KINH TẾ PHÍA NỘI BIÊN GIỮA ĐỒNG BÀO CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VÙNG BIÊN GIỚI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

Bùi Thị Bích Lan

Viện Dân tộc học

Email: buibichlan@gmail.com

Nhận bài: 27/9/2024; Phân biên: 15/10/2024; Tác giả sửa: 17/10/2024; Duyệt đăng: 28/10/2024; Phát hành: 20/11/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/nctd/368>

Lịch sử cho thấy, quan hệ giữa đồng bào các dân tộc thiểu số ở nước ta có lúc thăng, lúc trầm, song sự hòa hợp, thống nhất, cùng chung lưng, đầu cật trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vẫn là chủ đạo. Ở vùng biên giới Việt - Trung hiện nay, xu thế liên kết, lệ thuộc, tương trợ lẫn nhau trong quan hệ kinh tế càng làm thắt chặt hơn khối đại đoàn kết giữa đồng bào các dân tộc thiểu số phía nội biên. Những mối quan hệ này đang trở thành một nguồn vốn xã hội quan trọng, cần thiết và tất yếu của các tộc người vùng biên. Tuy nhiên, nghiên cứu này đã cho thấy, trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường hiện nay, giữa các tộc người cũng đang nảy sinh những mối quan hệ mới, ảnh hưởng không tích cực đến trật tự xã hội địa phương, đến an ninh quốc phòng vùng biên cũng như truyền thống đoàn kết, tương trợ, sẻ chia.

Từ khóa: *Quan hệ kinh tế; Tộc người thiểu số; Vùng biên giới; Việt Nam - Trung Quốc.*